SAO Y; BAN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH; Thời gian ký: 2025-04-15T15:34:05+07:00

UBND THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
BAN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH

Số: 38 /QĐ-BQLDVCI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Biên Hòa, ngày 15 tháng 04 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

V/v công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân sách quý I năm 2025 của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa

GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/06/2021 cua Chính phủ về quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư 56/2022/TT-BTC ngày 16/09/2022 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 6569/QĐ-UBND ngày 20/12/2024 của UBND thành phố Biên Hòa về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2025;

Theo đề nghị của Phòng Tài chính – Kế toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu – chi quý I năm 2025 của Ban Quản lý Dịch vụ công ích thành phố Biên Hòa (theo biểu đính kèm).

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Ban Giám đốc, Phòng Tài chính – Kế toán, các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- UBND thành phố (báo cáo);
- Phòng Tài chính – Kế hoạch;
- Như điều 3;
- Lưu: VT, P. TC-KT.

GIÁM ĐỐC

Phạm Vũ Quang

Đơn vị: BAN QUẢN LÝ DỊCH VỤ CÔNG ÍCH
Chương: 799

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI QUÝ I NĂM 2025

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao 2024	Ước thực hiện quý 1 so dự toán	Ước thực hiện quý 1 so dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3
A	**Tổng nguồn thu**	**16.454.605.578**	**3.338.321.165**	**0**
I	**Tổng nguồn tài chính của đơn vị**	**16.454.605.578**	**3.338.321.165**	**0**
1	**Thu sự nghiệp, dịch vụ**	**16.398.976.578**	**3.324.156.396**	**0**
1.1	Từ các hoạt động cung cấp các dịch vụ công do nhà nước định giá	0	0	0
1.1.1	Thu từ dịch vụ công ích			
	Sự nghiệp thị chính			
	Sự nghiệp giao thông			
	Sự nghiệp môi trường			
	Trong đó: Phần thu tăng thêm do thực hiện lộ trình điều chỉnh giá dịch vụ theo quy định			
1.2	Từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật	16.398.976.578	3.324.156.396	20%
1.2.1	Nguồn thu từ hoạt động cung cấp dịch vụ, tiện ích trong các cụm công nghiệp	2.418.770.970	0	0%
1.2.2	Thu dịch vụ của các Ban quản lý chợ	13.953.205.608	3.318.513.182	24%
1.2.3	Thu dịch vụ khác, thu khác	27.000.000	5.643.214	21%
1.3	Kinh phí nhà nước đặt hàng (3)			
	Thu từ hoạt động dịch vụ quản lý, vận hành Trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1, giai đoạn 1A, công suất 3000m³/ngày, đêm			
2	**Nguồn thu phí được để lại**			
3	**Nguồn ngân sách nhà nước**	**55.629.000**	**14.164.769**	25%
3.1	Ngân sách trong nước	55.629.000		0%
	Thu từ đầu tư chợ	55.629.000	14.164.769	25%
3.2	Vốn vay, viện trợ theo quy định của pháp luật			
4	**Nguồn thu hợp pháp khác**			
B	**Tổng nguồn tài chính (I+II)**	**16.454.605.578**		
I	**Sử dụng nguồn tài chính của đơn vị**	**16.454.605.578**	**3.441.069.839**	**21%**
1	**Chi từ nguồn thu sự nghiệp, dịch vụ**	**16.454.605.578**	**3.441.069.839**	**21%**
1.1	Chi tiền lương	12.130.860.131	2.541.897.413	21%
1.2	Chi hoạt động chuyên môn, chi quản lý	2.517.602.800	556.205.888	22%
1.3	Trích khấu hao tài sản cố định theo quy định	120.000.000	23.333.375	19%
1.4	Chi đầu tư phát triển theo quy định			
1.5	Chi khác theo quy định	370.000.000	93.418.156	25%
1.6	Nộp thuế và các khoản nộp NSNN khác theo quy định	1.316.142.647	226.215.007	17%

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao 2024	Ước thực hiện quý 1 so dự toán	Ước thực hiện quý 1 so dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3
	Thuế GTGT	1.260.513.647	212.050.238	17%
	Thuế TNDN	0		
	Nộp NSNN	55.629.000	14.164.769	25%
2	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**			
2.1	Kinh phí thường xuyên			
2.2	Kinh phí không thường xuyên			
II	**Trích lập quỹ**	**0**		
C	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**	**487.371.000.000**	**2.711.497.014**	**0,56%**
I	**Sự nghiệp môi trường**	**312.186.000.000**	**0**	0%
1	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**312.186.000.000**	**0**	0%
1.1	- Kinh phí dịch vụ công ích: quét đường, duy trì dải phân cách, nạo vét mương cống…	46.000.000.000		0%
1.2	- Kinh phí xử lý nước thải sinh hoạt tại Trạm xử lý nước thải sinh hoạt số 1, giai đoạn 1A, công suất 3000m³/ngày, đêm	6.186.000.000		0%
1.3	- Chi phí tư vấn (thẩm định giá, tổ chức lựa chọn nhà thầu, thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói xúc, vận chuyển và xử lý rác)	1.000.000.000		0%
1.4	- Hoạt động xúc, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt	95.000.000.000		0%
1.5	- Hoạt động xử lý chất thải rắn sinh hoạt bằng phương pháp sản xuất mùn hữu cơ (compost) bảo đảm tỷ lệ chôn lấp dưới 15%	164.000.000.000		0%
2	**Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương**			
II	**Sự nghiệp thị chính**	**136.461.000.000**	**2.711.497.014**	**17%**
1	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**136.461.000.000**	**2.711.497.014**	**17%**
1.1	- Tiền điện, nước công cộng	16.188.000.000	2.711.497.014	17%
1.2	- Kinh phí dịch vụ công ích: chăm sóc công viên, vòng xoay, dãy phân cách, cây xanh; quản lý, vận hành, duy tu sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, chi phí tư vấn, thẩm định giá…	120.273.000.000		0%
2	**Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương**	**0**		
III	**Sự nghiệp giao thông**	**34.324.000.000**	**0**	
1	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**34.324.000.000**	**0**	
1.1	- Kinh phí dịch vụ công ích: duy tu thường xuyên cầu, đường, hầm, suối…	34.324.000.000		0%
2	**Tiết kiệm 10% để thực hiện cải cách tiền lương**	**0**		
IV	**Sự nghiệp giáo dục và đào tạo**	**4.400.000.000**	**0**	0%

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao 2024	Ước thực hiện quý 1 so dự toán	Ước thực hiện quý 1 so dự toán (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5=4/3
1	**Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên**	**4.400.000.000**	**0**	0%
1.1	- Sửa chữa cơ sở vật chất trường THCS Thống Nhất	4.400.000.000	0	0%